

MIDTERM EXAM CHECKING LIST

Năm học/ Academic year: 2024-2025

Học phần/ Course : Image processing (Midterm)

Mã học phần/ Course code : ICT2.013

Ngành/ Programm : ICT, DS, Math

Ngày thi/ Exam date : Thứ 5, 15/5/2025

Phòng thi/ Exam venue: See the list below

Giờ gọi vào phòng thi/ 4:00 pm for shift 1, Note that you are not allowed to enter the exam room after 4:15 pm

Calling exam time 5:00 pm for shift 2, Note that you are not allowed to enter the exam room after 5:15 pm

Nội dung thi/ Exam content: Lectures from 1 to 6; Labworks from 1 to 2

Hình thức thi/ Exam format: Moodle

Chú ý/ Note: Only calculator and laptop are allowed for those who have the exam in USTH Auditorium

Only calculator is allowed for those who have the exam in the computer rooms

STT/ No.	Phòng thi/ Exam room	Giờ thi/ Time	Chuyên ngành/ Major	Mã sinh viên/ Student ID	Họ và tên/ Full name	Ngày sinh/ Date of Birth	Giới tính/ Gender	Ký tên nộp bài/ Signature	Ghi chú/ Note
1			ICT	22BA13002	Lê Đức An	22/01/2004	Male		
2			ICT	22BA13007	Bùi Thế Anh	27/03/2004	Male		
3			ICT	22BA13010	Đinh Đức Anh	26/11/2004	Male		
4			ICT	22BA13013	Kim Phạm Duy Anh	07/03/2004	Male		
5			ICT	22BA13017	Nguyễn Đăng Vĩ Anh	20/2/2004	Male		
6			ICT	22BA13030	Phạm Quang Anh	02/04/2004	Male		
7			ICT	22BA13038	Trần Xuân Bách	06/07/2004	Male		
8			ICT	22BA13040	Vũ Xuân Bách	17/09/2004	Male		
9			ICT	22BA13042	Đỗ Gia Bảo	25/03/2004	Male		
10			ICT	22BA13043	Hoàng Quốc Bảo	28/06/2004	Male		
11			ICT	22BA13056	Trần Hiến Chương	03/06/2004	Male		
12			ICT	22ba13061	Nguyễn Quang Đạo	16/12/2004	Male		
13			ICT	22BA13065	Nguyễn Đức Đạt	29/08/2004	Male		
14			ICT	22BA13068	Phí Thành Đạt	03/03/2004	Male		
15			ICT	22ba13071	Bùi Đức Điển	09/03/2004	Male		
16			ICT	22ba13075	Dương Vũ Đức	26/09/2004	Male		
17			ICT	22BA13086	Nguyễn Ngọc Dũng	19/02/2019	Male		
18			ICT	22BA13095	Nguyễn Trung Dương	28/08/2004	Male		
19			ICT	22ba13103	Trần Hữu Duy	01/05/2004	Male		
20			ICT	22BA13113	Bùi Doãn Huy Giáp	26/11/2004	Male		
21			ICT	22ba13121	Nguyễn Huy Hải	05/01/2004	Male		
22			ICT	22BA13131	Đặng Trung Hiếu	03/11/2004	Male		

STT/ No.	Phòng thi/ Exam room	Giờ thi/ Time	Chuyên ngành/ Major	Mã sinh viên/ <i>Student ID</i>	Họ và tên/ <i>Full name</i>	Ngày sinh/ <i>Date of Birth</i>	Giới tính/ <i>Gender</i>	Ký tên nộp bài/ <i>Signature</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
23			ICT	22BA13149	Trần Việt Hùng	25/08/2004	Male		
24			ICT	22BA13155	Nguyễn Quốc Hưng	07/10/2004	Male		
25			ICT	22BA13156	Phạm Quang Hưng	04/07/2004	Male		
26			ICT	22BA13166	Trần Thu Huyền	24/08/2004	Female		
27			ICT	22ba13170	Nguyễn Thế Khang	18/10/2004	Male		
28			ICT	22ba13171	Nguyễn Ngọc Khánh	20/04/2004	Male		
29			ICT	22BA13188	Nguyễn Thị Liên	11/10/2004	Female		
30			ICT	22BA13193	Nguyễn Khánh Linh	23/09/2004	Female		
31			ICT	22BA13194	Nguyễn Thị Mai Linh	22/02/2004	Female		
32			ICT	22BA13199	Trần Văn Linh	30/09/2004	Male		
33			ICT	22BA13201	Hoàng Phi Long	24/06/2004	Male		
34			ICT	22BA13204	Nguyễn Hoàng Bảo Long	12/08/2004	Male		
35			ICT	22BA13207	Vũ Hải Long	07/12/2004	Male		
36			ICT	22BA13214	Bùi Đình Nguyễn Minh	30/12/2004	Male		
37			ICT	22BA13215	Hà Tuấn Minh	21/01/2004	Male		
38			ICT	22BA13221	Nguyễn Quang Minh	29/09/2004	Male		
39			ICT	22BA13224	Vương Hồng Minh	08/10/2004	Male		
40			ICT	22BA13248	Đỗ Nguyễn Gia Như	22/08/2004	Female		
41			ICT	22BA13250	Trần Thanh Phát	06/05/2004	Male		
42			ICT	22BA13253	Đặng Nguyễn Hữu Phong	19/01/2004	Male		
43			ICT	22ba13254	Nguyễn Huy Phong	03/09/2004	Male		
44			ICT	22ba13258	Nguyễn Minh Quân	21/08/2004	Male		
45			ICT	22BA13261	Vũ Minh Quân	11/06/2004	Male		
46			ICT	22BA13264	Nguyễn Hồng Quang	05/06/2004	Male		
47			ICT	22BA13273	Nghiêm Vỹ Sơn	14/12/2004	Male		
48			ICT	22BA13274	Quach Nhat Bao Son	21/05/2004	Male		
49			ICT	22BA13283	Vũ Ngọc Thắng	22/07/2004	Male		
50			ICT	22BA13284	Bùi Tuấn Thành	06/09/2004	Male		
51			ICT	22BA13293	Trần Gia Thế	09/01/2004	Male		
52			ICT	22BA13294	Nguyễn Đình Thi	03/03/2004	Male		
53			ICT	22ba13309	Đỗ Duy Tú	31/03/2004	Male		
54			ICT	22BA13320	Phạm Quang Tùng	09/05/2004	Male		
55			ICT	22BA13321	Vũ Quang Tùng	15/02/2004	Male		

STT/ No.	Phòng thi/ Exam room	Giờ thi/ Time	Chuyên ngành/ Major	Mã sinh viên/ <i>Student ID</i>	Họ và tên/ <i>Full name</i>	Ngày sinh/ <i>Date of Birth</i>	Giới tính/ <i>Gender</i>	Ký tên nộp bài/ <i>Signature</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
56	Hội trường tầng 8, tòa A21/ USTH Auditorium	Shift 1: 4.00 - 4.45	ICT	22BA13323	Vũ Văn Tùng	11/12/2004	Male		
57			ICT	22BA13329	Nguyễn Thế Vinh	30/12/2004	Male		
58			ICT	22BA13330	Trần Quang Vinh	19/10/2004	Male		
59			ICT	22BA13334	Nguyễn Thị Hoàng Yến	31/10/2004	Female		
60			ICT	22BI13057	Nguyễn Gia Bảo	07/08/2004	Male		
61			ICT	22bi13084	Tạ Quang Diệu	26/10/2004	Male		
62			ICT	22bi13168	lê hải hoà	02/11/2004	Male		
63			ICT	22bi13481	Phan Anh Thiên Vũ	27/05/2004	Male		
64			ICT	23BI14001	Trần Lê Hoàng An	29/11/2005	Male		
65			ICT	23BI14002	Phạm Hoàng An	20/10/2005	Male		
66			ICT	23BI14003	Nguyễn Mạnh Khánh An	28/10/2005	Male		
67			ICT	23BI14004	Nguyễn Phạm Trường An	11/11/2005	Male		
68			ICT	23BI14005	Đặng Bình An	27/09/2005	Male		
69			ICT	23BI14010	Lưu Nguyễn Tiến Anh	03/04/2005	Male		
70			ICT	23BI14011	Trương Duy Anh	21/11/2005	Male		
71			ICT	23BI14012	Dương Đức Anh	02/12/2005	Male		
72			ICT	23BI14013	Nguyễn Đức Anh	31/05/2005	Male		
73			ICT	23bi14014	Đình Việt Anh	25/03/2005	Male		
74			ICT	23BI14015	Đỗ Hùng Anh	15/05/2005	Male		
75			ICT	23BI14016	DO TRAN NAM ANH	14/12/2005	Male		
76			ICT	23BI14019	Đào Duy Anh	21/09/2005	Male		
77			ICT	23BI14021	Lương Đức Anh	23/11/2005	Male		
78			ICT	23BI14057	Nguyễn Trọng Bách	02/10/2005	Male		
79			ICT	23BI14061	Phạm Gia Bảo	05/08/2005	Male		
80			ICT	23BI14073	Nguyễn Khánh Chi	30/09/2005	Female		
81			ICT	23BI14080	Đoàn Minh Cường	07/02/2005	Male		
82			ICT	23BI14081	Nguyễn Quốc Cường	04/11/2005	Male		
83			ICT	23BI14083	Đào Phú Hồng Đăng	30/07/2005	Male		
84			ICT	23BI14084	Tăng Nguyễn Hải Đăng	14/11/2005	Male		
85			ICT	23BI14086	Nguyễn Tài Tiến Đạt	26/03/2005	Male		
86			ICT	23BI14096	Hàn Ngọc Diệp	16/01/2005	Female		
87			ICT	23BI14098	Nguyễn Hữu Minh Đức	28/03/2005	Male		
88			ICT	23BI14100	Nguyễn Mạnh Đức	23/08/2005	Male		

STT/ No.	Phòng thi/ Exam room	Giờ thi/ Time	Chuyên ngành/ Major	Mã sinh viên/ <i>Student ID</i>	Họ và tên/ <i>Full name</i>	Ngày sinh/ <i>Date of Birth</i>	Giới tính/ <i>Gender</i>	Ký tên nộp bài/ <i>Signature</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
89			ICT	23BI14102	Nguyễn Minh Đức	04/08/2005	Male		
90			ICT	23BI14104	Nguyễn Xuân Đức	10/06/2005	Male		
91			ICT	23BI14111	Nguyễn Hoàng Dũng	07/03/2005	Male		
92			ICT	23BI14112	Phùng Đỗ Việt Dũng	31/10/2005	Male		
93			ICT	23BI14113	Nguyễn Tuấn Dũng	01/06/2005	Male		
94			ICT	23BI14115	Trịnh Quang Dũng	25/10/2005	Male		
95			ICT DD	23BI14126	Trần Minh Dương	30/12/2005	Male		
96			ICT DD	23BI14142	Phạm Ngân Hà	20/10/2005	Female		
97			ICT DD	23BI14293	Đặng Nguyễn Nhật Minh	27/03/2005	Male		
98			ICT DD	23BI14294	Nguyễn Tuấn Minh	09/08/2005	Male		
99			ICT DD	23BI14295	Phạm Hiếu Minh	01/03/2005	Male		
100			ICT DD	23BI14355	Nguyễn Hoàng Nhật	27/02/2005	Male		
101			ICT DD	23BI14375	Phạm Nhật Quang	20/07/2005	Male		
102			ICT	23BI14121	Bùi Quang Dương	16/03/2005	Male		
103			ICT	23BI14125	Nguyễn Tùng Dương	21/06/2005	Male		
104			ICT	23BI14131	Ngô Hoàng Khánh Duy	22/11/2005	Male		
105			ICT	23BI14137	Trần Trường Giang	12/10/2005	Male		
106			ICT	23BI14147	Trần Mạnh Hải	17/10/2005	Male		
107			ICT	23BI14153	Lê Thu Hiền	30/10/2005	Female		
108			ICT	23BI14154	Nguyễn Trung Hiền	06/04/2005	Male		
109			ICT	23BI14161	Đào Xuân Hiếu	23/08/2005	Male		
110			ICT	23bi14162	Đào Minh Hiếu	10/09/2005	Male		
111			ICT	23BI14164	Lưu Trần Minh Hiếu	19/11/2005	Male		
112			ICT	23BI14172	Lê Huy Hoàng	18/01/2005	Male		
113			ICT	23BI14173	Trương Tuấn Hoàng	29/09/2005	Male		
114			ICT	23BI14187	Nguyễn Phú Hưng	29/03/2005	Male		
115			ICT	23BI14193	Trịnh Nhật Huy	16/10/2005	Male		
116			ICT	23BI14194	Nguyễn Gia Huy	17/08/2005	Male		
117			ICT	23BI14195	Nghiêm Gia Huy	03/11/2005	Male		
118			ICT	23BI14204	Lê Vĩnh Khải	17/09/2005	Male		
119			ICT	23BI14208	Cao Vũ An Khang	18/01/2005	Male		
120			ICT	23BI14210	Đào Vũ Minh Khang	11/12/2005	Male		
121			ICT	23BI14211	Nguyễn Minh Khang	18/02/2005	Male		

STT/ No.	Phòng thi/ Exam room	Giờ thi/ Time	Chuyên ngành/ Major	Mã sinh viên/ <i>Student ID</i>	Họ và tên/ <i>Full name</i>	Ngày sinh/ <i>Date of Birth</i>	Giới tính/ <i>Gender</i>	Ký tên nộp bài/ <i>Signature</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
122			ICT	23bi14215	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2005	Male		
123			ICT	23BI14216	Nguyễn Nam Khánh	26/11/2005	Male		
124			ICT	23BI14217	Nguyễn Gia Khánh	26/10/2005	Male		
125			ICT	23BI14222	Trần Lê Lam Khê	20/09/2005	Female		
126			ICT	23BI14223	Nguyễn Việt Khoa	09/02/2005	Male		
127			ICT	23bi14227	Trần Đăng Khôi	23/12/2005	Male		
128			ICT	23BI14228	Phạm Nguyên Khôi	29/11/2005	Male		
129			ICT	23BI14238	Đỗ Trung Kiên	20/10/2005	Male		
130			ICT	23bi14241	Nguyễn Tuấn Kiệt	12/11/2005	Male		
131			ICT	23BI14245	Phan Đức Lâm	23/02/2005	Male		
132			ICT	23BI14247	Nguyễn Thanh Lâm	29/01/2005	Male		
133			ICT	23BI14246	Nguyễn Thanh Lâm		Male		
134			ICT	23BI14252	Cao Trần Khánh Linh	27/07/2005	Female		
135			ICT	23BI14277	Trần Hải Minh	14/04/2005	Male		
136			ICT	23BI14279	Phạm Thế Minh	24/09/2005	Male		
137			ICT	23BI14281	Hoàng Quang Minh	22/09/2005	Male		
138			ICT	23bi14282	Lê Quang Minh	26/06/2005	Male		
139			ICT	23BI14283	Nguyễn Đức Minh	19/03/2005	Male		
140			ICT	23BI14284	Nguyễn Ngọc Minh	11/04/2005	Male		
141			ICT	23BI14286	Trần Quang Minh	26/03/2005	Male		
142			ICT	23BI14287	Đoàn Công Minh	12/11/2005	Male		
143			ICT	23BI14288	Nguyễn Quang Minh	14/10/2005	Male		
144			ICT	23BI14289	Vũ Quang Minh	20/07/2005	Male		
145			ICT	23bi14290	Trần Minh	13/08/2005	Male		
146			ICT	23BI14292	Phạm Nhật Minh	16/07/2005	Male		
147			ICT	23BI14323	Trần Mạnh Nam	17/10/2005	Male		
148			ICT	23BI14324	Vũ Hải Nam	07/09/2005	Male		
149			ICT	23BI14325	Trần Hải Nam	02/08/2005	Male		
150			ICT	23BI14326	Vũ Hoài Nam	22/03/2005	Male		
151			Math	22BI13031	Nguyễn Tuấn Anh	7/31/2003	Male		
152			Math	22BA13047	Nguyễn An Bình	5/22/2003	Male		
153			Math	22BA13067	Nguyễn Tiến Đạt	2/5/2004	Male		
154			Math	22BA13174	Trịnh Nam Khánh	8/20/2004	Male		

STT/ No.	Phòng thi/ Exam room	Giờ thi/ Time	Chuyên ngành/ Major	Mã sinh viên/ <i>Student ID</i>	Họ và tên/ <i>Full name</i>	Ngày sinh/ <i>Date of Birth</i>	Giới tính/ <i>Gender</i>	Ký tên nộp bài/ <i>Signature</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
155			Math	23BI14250	Nguyễn Phúc Lâm	1/14/2005	Male		
156			Math	22BA13212	Nguyễn Hoàng Mạnh	8/10/2004	Male		
157			Math	22BA13252	Chu Tam Phong	5/20/2004	Male		
158			Math	23BI14379	Nguyễn Duy Minh Quang	2/13/2005	Male		
159			Math	23BI14403	Nguyễn Cao Mạnh Thắng	6/19/2005	Male		
160			Math	22BA13313	Hoàng Minh Tuấn	12/7/2004	Male		
161	Phòng 502/ tòa A21 / 502 room	Shift 1: 4.00 - 4.45	ICT	23BI14334	Phạm Tường Ngân	01/04/2005	Male		
162			ICT	23bi14336	Nguyễn Trung Nghĩa	10/12/2005	Male		
163			ICT	23BI14340	Trần Bảo Ngọc	03/02/2005	Female		
164			ICT	23BI14341	Lê Minh Ngọc	12/02/2005	Male		
165			ICT	23BI14342	Nguyen Duy Ngoc	08/09/2005	Male		
166			ICT	23bi14343	Nguyễn Hồng Ngọc	17/01/2005	Female		
167			ICT	23BI14354	Cao Văn Nhân	27/08/2005	Male		
168			ICT	23BI14359	Nguyễn Công Phúc	29/07/2005	Male		
169			ICT	23BI14384	Phùng Đàm Tiến Sĩ	13/01/2005	Male		
170			ICT	23BI14395	Trần Phú Thái	14/05/2005	Male		
171			ICT	23bi14396	Trần Quốc Thái	05/12/2005	Male		
172			ICT	23BI14398	Lê Đức Thắng	17/10/2005	Male		
173			ICT	23BI14399	Nguyễn Song Thắng	03/02/2005	Male		
174			ICT	23BI14409	Vũ Phạm Diệp Thảo	02/07/2005	Female		
175			ICT	23BI14421	Đỗ Minh Tiến	02/04/2005	Male		
176			ICT	23BI14424	Nguyễn Chí Tôn	04/10/2005	Male		
177			ICT	23BI14435	To quang trung	15/01/2005	Male		
178			ICT	23BI14438	Đỗ Anh Tú	12/09/2005	Male		
179			ICT	23BI14441	Nguyễn Minh Tuấn	30/11/2005	Male		
180			ICT	23BI14442	Hoàng Anh Tuấn	01/01/2005	Male		
181			ICT	23BI14445	Nguyễn Ngọc Tùng	18/02/2005	Male		
182			ICT	23Bi14449	Nguyễn Cảnh Việt	14/07/2005	Male		
183			ICT	23BI14454	Nguyễn Phú Vinh	27/12/2005	Male		
184			ICT	23bi14458	Trần Nguyên Vũ	19/09/2005	Male		
185			ICT	Ba11-033	Bùi khương duy	15/03/2001	Male		
186			ICT	BA11-053	Nguyễn Tuấn Huy	4/10/2001	Male		
187			ICT	BA11-055	Hoàng Vinh Khánh	30/08/2002	Male		

STT/ No.	Phòng thi/ Exam room	Giờ thi/ Time	Chuyên ngành/ Major	Mã sinh viên/ Student ID	Họ và tên/ Full name	Ngày sinh/ Date of Birth	Giới tính/ Gender	Ký tên nộp bài/ Signature	Ghi chú/ Note
188	Phòng 504/ tòa A21 / 504 room	Shift 1: 4.00 - 4.45	ICT	BA12-148	Nguyễn Hoàng Phúc	15/06/2003	Male		
189			ICT	BI12-378	Vũ Đình Quý	11/10/2003	Male		
190			Exchange sudent	ES.2410005	Mael BAILLIET	2/22/2005	Male		
191			Exchange sudent	ES.2410006	Melvyn ESNAULT	12/2/2005	Male		
192			Exchange sudent	ES.2410007	Louis MARNIER	12/17/2005	Male		
193			Exchange sudent	ES.2410008	Matheo NICOL	7/17/2005	Male		
194			ICT redo	22BI13180	Đào Vĩnh Hưng	2/11/2004	Male		
195			ICT redo	22bi13216	Bùi Minh Khôi	6/20/2004	Male		
196			ICT redo	BA11-067	Giang Vũ Tuấn Long	9/30/2002	Male		
197			ICT redo	BA11-106	Phan Nguyễn Tấn Vũ	9/15/2002	Male		
198			ICT redo	BA9-043	Nguyễn Ngọc Minh	9/18/1997	Male		
199			ICT redo	BI11-006	Mai Trọng Ân	4/17/2002	Male		
200			ICT redo	BI11-025	Trịnh Đức Anh	10/30/2002	Male		
201	Phòng602/ tòa A21 / 602 room	Shift 1: 4.00 - 4.45	ICT redo	BI12-144	Bùi Ngọc Hải	12/28/2003	Male		
202			ICT redo	BI12-303	Nguyễn Hoàng Nam	12/27/2003	Male		
203			ICT redo	BI12-463	Ngô Anh Tú	10/11/2003	Male		
204			DS	22BA13055	Đỗ Hồng Chung	14/10/2004	Male		
205			DS	22BA13072	Hoàng Khánh Đồng	7/11/2004	Male		
206			DS	22BA13080	Nguyễn Minh Đức	19/2/2004	Male		
207			DS	22BA13089	Tạ Quang Dũng	15/3/2004	Male		
208			DS	22BA13093	Nguyễn Hữu Dương	23/8/2004	Male		
209			DS	22BA13119	Đình Thanh Hải	30/8/2004	Male		
210			DS	22BA13132	Đình Thành Hiếu	1/5/2004	Male		
211			DS	22BA13260	Trần Huy Quân	16/7/2004	Male		
212			DS	22BA13262	Nguyễn Chí Quang	3/12/2004	Male		
213			DS	22BA13270	Nguyễn Thị Như Quỳnh	18/7/2004	Male		
214			DS	22BA13288	Nguyễn Đình Liên Thành	4/10/2004	Male		
215			DS	22BA13318	Nguyễn Hoàng Tùng	23/8/2004	Male		
216			DS	23BI14022	Lê Quốc Anh	7/10/2005	Male		
217			DS	23BI14023	Phạm Duy Anh	16/8/2005	Male		
218			DS	23BI14024	Nguyễn Thái Nhất Anh	28/10/2005	Male		
219			DS	23BI14025	Lê Quốc Anh	18/1/2005	Male		
220			DS	23BI14027	Nguyễn Phương Anh	16/3/2005	Male		

STT/ No.	Phòng thi/ Exam room	Giờ thi/ Time	Chuyên ngành/ Major	Mã sinh viên/ <i>Student ID</i>	Họ và tên/ <i>Full name</i>	Ngày sinh/ <i>Date of Birth</i>	Giới tính/ <i>Gender</i>	Ký tên nộp bài/ <i>Signature</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
221			ICT-redo	BI11-290	Nguyễn Anh Vũ		Male		
222	Phòng 502/ tòa A21 / 502 room	Shift 2: 5.00 - 5.45	DS	23BI14067	Hồ Huyền Châu	29/4/2005	Male		
223			DS	23BI14089	Nguyễn Minh Đạt	31/12/2005	Male		
224			DS	23BI14090	Ngô Thành Đạt	19/11/2005	Male		
225			DS	23BI14136	Phạm Công Duyệt	22/4/2005	Male		
226			DS	23BI14139	Nguyễn Trường Giang	2/4/2005	Male		
227			DS	23BI14140	Trần Thị Vân Giang	8/8/2005	Male		
228			DS	23BI14165	Phạm Minh Hiếu	24/9/2005	Male		
229			DS	23BI14169	Đặng Đình Hòa	7/5/2005	Male		
230			DS	23BI14181	Trần Ngọc Hùng	11/12/2005	Male		
231			DS	23BI14182	Lê Việt Hùng	10/3/2005	Male		
232			DS	23BI14191	Nguyễn Thị Lan Hương	18/5/2005	Male		
233			DS	23BI14196	Trần Quang Huy	9/1/2002	Male		
234			DS	23BI14205	Nguyễn Thế Khải	30/6/2005	Male		
235			DS	23BI14218	Trần Gia Khánh	28/3/2005	Male		
236			DS	23BI14224	Nguyễn Hữu Tân Khoa	10/5/2005	Male		
237			DS	23BI14230	Phạm Đình Bảo Khôi	29/12/2005	Male		
238			DS	23BI14239	Ngô Xuân Kiên	16/2/2005	Male		
239			DS	23BI14248	Lê Chí Thanh Lâm	18/6/2004	Male		
240			DS	23BI14255	Mai Ngọc Linh	27/4/2005	Male		
241			DS	23BI14296	Phạm Quang Minh	6/2/2005	Male		
242			ICT-redo	BI12-180	Đỗ Sinh Hùng		Male		
243	Phòng 504/ tòa A21 / 504 room	Shift 2: 5.00 - 5.45	DS	23BI14297	Nguyễn Hiếu Minh	4/11/2005	Male		
244			DS	23BI14298	Phạm Nhật Minh	12/10/2005	Male		
245			DS	23BI14299	Châu Tuấn Minh	16/1/2005	Male		
246			DS	23BI14328	Nguyễn Gia Nam	29/1/2005	Male		
247			DS	23BI14329	Nguyễn Hoàng Nam	22/8/2005	Male		
248			DS	23BI14345	Nguyễn Vũ Hồng Ngọc	22/4/2005	Male		
249			DS	23BI14361	Ngô Minh Phước	14/2/2005	Male		
250			DS	23BI14370	Nguyễn Xuân Quân	12/5/2005	Male		
251			DS	23BI14392	Ngô Anh Tâm	15/1/2005	Male		
252			DS	23BI14400	Bùi Đức Thắng	17/1/2005	Male		
253			DS	23BI14406	Nguyễn Đức Thành	2/12/2005	Male		

STT/ No.	Phòng thi/ Exam room	Giờ thi/ Time	Chuyên ngành/ Major	Mã sinh viên/ <i>Student ID</i>	Họ và tên/ <i>Full name</i>	Ngày sinh/ <i>Date of Birth</i>	Giới tính/ <i>Gender</i>	Ký tên nộp bài/ <i>Signature</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
254			DS	23BI14414	Nguyễn Minh Thư	23/7/2005	Male		
255			DS	23BI14422	Vũ Đức Tiến	20/9/2005	Male		
256			DS	23BI14446	Nguyễn Lâm Tùng	11/4/2005	Male		
257			DS	23BI14451	Nguyễn Quốc Việt	7/5/2005	Male		
258			DS	23BI14455	Phạm Quang Vinh	20/5/2005	Male		
259			DS	23BI14456	Vũ Ngọc Vinh	5/6/2005	Male		
260			DS	23BI14462	Nguyễn Đăng Vũ	1/9/2005	Male		
261			DS	23BI14472	Nguyễn Hoàng Lân	27/9/2005	Male		
262			DS	23BI14087	Lê Hoàng Đạt	20/9/2005	Male		
263			ICT	22BI13369	Hoàng Minh Quân		Male		
264	Phòng602/ tòa A21 / 602 room	Shift 2: 5.00 - 5.45	DS	23BI14097	Vì Vũ Trí Đức	15/1/2005	Male		
265			DS	23BI14150	Lê Sỹ Hân	30/12/2005	Male		
266			DS	23BI14335	Hoàng Nguyễn Tuấn Nghĩa	3/12/2005	Male		
267			ICT to DS	22BA13034	Trương Thị Lan Anh	22/7/2004	Male		
268			ICT to DS	22BA13058	Nguyễn Thế Cường	13/11/2004	Male		
269			ICT to DS	22BA13082	Nguyễn Trọng Minh Đức	11/1/2004	Male		
270			ICT to DS	22BA13083	Phạm Minh Đức	17/5/2004	Male		
271			ICT to DS	22BA13158	Hoàng Kim Hương	12/5/2004	Male		
272			ICT to DS	22BA13186	Nguyễn Thị Ngọc Lan	14/11/2004	Male		
273			ICT to DS	22BA13190	Đoàn Ngọc Linh	29/5/2004	Male		
274			ICT to DS	22BA13286	Đoàn Duy Thành	13/9/2004	Male		
275			ICT to DS	22BA13289	Nguyễn Tuấn Thành	1/1/2004	Male		
276			ICT to DS	23BI14453	Nguyễn Thành Vinh	9/6/2005	Male		
277			ICT to DS	22BI13160	Dương Minh Hiếu	12/5/2004	Male		
278			ICT to DS	22BI13294	Nguyễn Lê Minh	12/20/2004	Male		
279			DS	BA12-048	Cần Quý Đạt	7/8/2003	Male		
280			DS	BI12-316	Phí Quang Nghĩa	10/2/2003	Male		
281			DS redo	BI12-285	Nguyễn Hoàng Thái Minh	28/10/2003	Male		
282			DS redo	BI12-178	Nguyễn Tuấn Hợp	8/15/2003	Male		
283			DS redo	22bi13418	Nguyễn Bích Thu	20/7/2004	Male		
284			ICT-redo	22BA13216	Hoàng Nhật Minh		Male		